BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.**TS. LÂM CHÍ DŨNG**

Phản biện 1: PGS.TS.NGUYỄN MẠNH TOÀN

Phản biện 2: TS. NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác đánh giá hoạt động của các NHTM, trong đó, phân tích tài chính là công việc không thể thiếu đối với việc quản trị NHTM.

Do hoạt động ngân hàng mang tính đặc thù nên việc PTTC của NH hơi khác so với doanh nghiệp thông thường. Vì vậy, công tác PTTC đối với các NHTM ngoài những nét chung nhất của phân tích tài chính doanh nghiệp thông thường, còn có những điểm riêng, rất khác biệt cần được quan tâm nghiên cứu.

Chính vì lẽ đó, đề tài" **Hoàn thiện công tác phân tích tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam**" có tính cấp thiết về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn sẽ chỉ rõ những mặt chưa hoàn thiện của các phương pháp, nội dung phân tích, xây dựng và đề xuất các phương pháp, hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích tài chính NHTM nói chung và Vietcombank nói riêng, đảm bảo tính khoa học, khả thi, toàn diện và phù hợp, đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác phân tích BCTC tại Vietcombank.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài những vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động PTTC và thực tiễn công tác phân tích tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu.

- Về nội dung

Người nghiên cứu đặt vấn đề nghiên cứu trên góc độ quản trị, điều hành ngân hàng Vietcombank.

- Về không gian nghiên cứu

Đề tài chỉ đặt vấn đề nghiên cứu cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trên cơ sở thực trạng của công tác phân tích tài chính về hoạt động ngân hàng thương mại tại ngân hàng này, không xem xét xét đến các công ty con.

- Thời gian nghiên cứu

Luận văn xem xét công tác phân tích tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trong 3 năm 2008, 2009, 2010 và có thể kéo dài thêm thời gian nghiên cứu một vài năm trước năm 2008 khi xem xét, đánh giá, một số chỉ tiêu tài chính.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dựa trên phương pháp luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả thường xuyên sử dụng các phương pháp phân tích diễn dịch và quy nạp, phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp logic, phương pháp thống kê.

5. Bố cục đề tài

Chương 1: Những vấn đề lý luận về công tác phân tích tài chính đối với NHTM.

Chương 2: Thực trạng công tác phân tích tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác phân tích tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại

- Theo Luật các TCTD Việt Nam năm 2010.

- Theo Quản trị NHTM của Perter S.Rose - giáo sư kinh tế học và tài chính trường đại học Yale.

1.1.2. Vai trò của NHTM trong nền kinh tế.

1.1.3. Các hoạt động cơ bản của NHTM.

1.2. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

1.2.1. Khái niệm phân tích tài chính

Phân tích tài chính doanh nghiệp là quá trình thu thập và xử lý thông tin gồm các các thông tin kế toán và các thông tin quản lý khác về doanh nghiệp bằng những phương pháp cùng với những kỹ thuật nhất định nhằm đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp.

1.2.2. Ý nghĩa phân tích tài chính

Phân tích tài chính có những tác dụng sau:

- Làm giảm bớt các nhận định chủ quan, dự đoán và những trực giác trong kinh doanh.

- Cung cấp những cơ sở mang tính hệ thống, và hiệu quả trong phân tích các hoạt động kinh doanh.

- Tự đánh giá mình về thế mạnh, điểm yếu để củng cố, phát huy hay khắc phục, cải tiến quản lý.

- Giúp dự báo, đề phòng và hạn chế những rủi ro bất định trong kinh doanh.

- Phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.3. NGUỒN THÔNG TIN PHỤC VỤ CHO TÍNH TOÁN VÀ PHÂN TÍCH.

1.3.1. Hệ thống báo cáo tài chính

1.3.2. Cơ sở dữ liệu khác

- Các thông tin chung
- Các thông tin theo ngành kinh tế
- Các thông tin của bản thân doanh nghiệp

1.4. TỔ CHỨC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG NHTM

1.5. ĐẶC ĐIỂM PTTC CỦA NHTM

- Thứ nhất, vốn và tiền vừa là phương tiện, vừa là mục đích kinh doanh nhưng đồng thời cũng là đối tượng kinh doanh của NHTM. Chính đặc điểm này sẽ ảnh hưởng lên tất cả các nội dung phân tích tài chính của NHTM.

- Thứ hai, Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ nên hoạt động NHTM có tính nhạy cảm cao. Phân tích tài chính NHTM phải nắm vững các quy định, quy chuẩn của các cơ quan quản lý

- **Thứ ba,** các NHTM có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, mỗi NHTM là một mắt xích liên hoàn trong toàn hệ thống. Vì vậy, trong phân tích tài chính cần chú trọng đến việc xem xét các khoản cho vay/tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng.

- Thứ thứ, nguồn vốn hoạt động chính của NHTM là vốn huy động, thường chiếm khoảng 90% tổng tài sản có của NHTM, VCSH chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng 10%. Việc tính toán các chỉ tiêu phân tích liên quan đến VCSH của NHTM được chú trọng và phức tạp

hơn. NHTM tính toán chỉ tiêu an toàn vốn CAR(capital adequacy ratio) còn doanh nghiệp thì không sử dụng chỉ tiêu này.

- Thứ năm: Do chức năng chuyển hóa và cung cấp thanh khoản dựa trên sự mất cân đối kỳ hạn giữa 2 bên tài sản Nợ/Có trên bảng cân đối kế toán nên NHTM thường xuyên phải đối mặt với rủi ro thanh khoản. Việc phân tích khả năng thanh khoản của NHTM có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

- Thứ sáu, hoạt động kinh doanh của NHTM liên quan đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực hoạt động và nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Vì vậy, việc phân tích, đánh giá thực trạng tài chính của các NHTM không chỉ là nhu cầu cấp thiết phục vụ cho hoạt động quản lý của chính nhà quản trị ngân hàng mà còn là đòi hỏi mang tính bắt buộc của ngân hàng trung ương.

- Thứ bảy, hoạt động kinh doanh của NHTM là sự đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận, đối mặt với nhiều rủi ro, bởi lẽ nó tổng hợp tất cả các rủi ro của khách hàng. Do đó, trong quá trình hoạt động các NHTM phải thường xuyên cảnh giác, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo và có những biện pháp phòng ngừa từ xa có hiệu quả. Ngoài ra, điều này cũng đòi hỏi ngân hàng tự đánh giá được khả năng chịu đựng rủi ro của mình.

- Thứ tám, hoạt động kinh doanh NHTM luôn có rất nhiều rủi ro đặc thù ít xuất hiện trong các ngành kinh doanh khác như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động,... Do đó, việc phân tích rủi ro của NHTM chiếm một vị trí quan trọng trong phân tích BCTC NHTM, trong khi đó ở doanh nghiệp, phần phân tích này tương đối đơn giản và không phải là phần phân tích trọng yếu.

- Thứ chín, hoạt động kinh doanh của NHTM diễn tiến liên tục trong mỗi loại hình nghiệp vụ và các sản phẩm của NHTM có mối liên hệ với nhau rất chặt chẽ. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc tách riêng từng mặt hoạt động của ngân hàng để phân tích kết quả tài chính.

- Thứ mười, khi PTTC, cần hết sức lưu ý những đặc điểm khác biệt của BCTC NHTM với các doanh nghiệp phi tài chính.

1.6. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

1.6.1. Phương pháp phân tổ

1.6.2. Phương pháp cân đối

1.6.3. Phương pháp so sánh.

1.6.4. Phương pháp tỷ lệ.

1.6.5. Phương pháp thay thế liên hoàn

1.6.6. Phương pháp phân tích DUPONT.

1.7. NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG NHTM

1.7.1. Phân tích cấu trúc tài chính

Phân tích cấu trúc tài chính sẽ thực hiện phân tích hai bộ phận quan trọng trên bảng cân đối kế toán là Sử dụng vốn – Tài sản và nguồn vốn trong mối tương quan chặt chẽ với nhau để thấy được bản chất của sự thay đổi các khoản mục trong tài sản và nguồn vốn**.**

a. Phân tích về sử dụng vốn -Tài sản

* Phân tích khái quát

Phân tích quy mô và sự biến động về tổng tài sản, cơ cấu tài sản, tỷ trọng các khoản mục trong tổng tài sản qua các năm.

- Các chỉ tiêu đánh giá quy mô, cơ cấu tài sản có sinh lời:

+ Tổng tài sản.

+ Tốc độ tăng trưởng tài sản

+ Tỷ trọng từng hạn mục tài sản/Tổng tài sản có:

* Phân tích hoạt động tín dụng

Việc phân tích hoạt động tín dụng và rủi ro tín dụng của NHTM là rất cần thiết, thể hiện qua các nội dung:

- Phân tích quy mô, cơ cấu tín dụng thông qua các chỉ tiêu:

+ Tổng dư nợ cho vay, số dư bảo lãnh

+ Tốc độ tăng dư nợ cho vay, bảo lãnh.

+ Tỷ trọng từng khoản dư nợ theo cách phân loại cơ cấu danh mục cho vay:

- Phân tích rủi ro tín dụng, đánh giá chất lượng cho vay thông qua các chỉ tiêu sau:

+Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5.

+Tỷ lệ nợ xấu – NPL rate (nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5).

+Tỷ lệ nợ có vấn đề (nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 và nợ đã xử lý rủi ro bằng dự phòng rủi ro).

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ/NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD.

+ Tỷ lệ trích lập dự phòng

+ Khả năng bù đắp tổn thất rủi ro:

b. Phân tích về nguồn vốn.

* Phân tích hoạt động huy động vốn

Để đánh giá tình hình huy động vốn, nhà phân tích thường xem xét các nội dung:

- Đánh giá quy mô, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động.

- Đánh giá cơ cấu nguồn vốn huy động, tỷ trọng từng loại theo thị trường huy động (thị trường 1, thị trường 2); theo kì hạn, cơ cấu loại tiền ...

- Đánh giá thị phần huy động vốn của NH trong nền kinh tế.

- Các chỉ tiêu đánh giá huy động vốn

+ Tỷ trọng nguồn vốn huy động trên tổng nguồn vốn:

+ Tỷ trọng từng nguồn vốn huy động so với tổng nguồn vốn huy động.

+ Lãi suất huy động BQ cho nguồn vốn huy động

+ Thị phần huy động vốn

* Phân tích vốn chủ sở hữu

Việc phân tích vốn chủ sở hữu tập trung vào các đánh giá sau:

- So sánh quy mô vốn chủ sở hữu của NHTM với các NHTM khác trong ngành để đánh giá tiềm lực tài chính.

- Tốc độ tăng VCSH

- Tỷ trọng VCSH so với tổng nguồn vốn.

- Chỉ tiêu đủ vốn: hệ số an toàn vốn – CAR.

CAR = [(VTC hay vốn cơ bản)/(Tài sản đã điều chỉnh rủi ro)] * 100%

Trong đó, tài sản đã điều chỉnh rủi ro = Tổng (Tài có nội bảng x Hệ số rủi ro) + Tổng (Tài sản ngoại bảng x Hệ số chuyển đổi x Hệ số rủi ro)

Từ ngày 1/10/2010 theo thông tư 13/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của NHNN thì tỉ lệ CAR này sẽ được điều chỉnh từ 8% lên 9%.

c. Phân tích mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

- Đánh giá kết cấu tài sản, nguồn vốn, phân tích tính cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn. Trong đó, nhấn mạnh về tỷ lệ cho vay trên vốn huy động, và tỷ lệ tín dụng và đầu tư dài hạn/nguồn vốn dài hạn

- Qua việc phân tích cân bằng tài chính, sẽ giúp nhà quản lý điều hành có kế hoạch huy động nguồn với kỳ hạn và chi phí hợp lý để đáp ứng yêu cầu sử dụng vốn hoặc có kế hoạch tăng trưởng tài sản để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

1.7.2. Phân tích khả năng thanh toán của NHTM

Nội dung chủ yếu của việc đánh giá khả năng thanh toán của ngân hàng thường thông qua việc xem xét kết hợp các chỉ tiêu sau:

- Hệ số tài sản lỏng:
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh:
- Tỷ lệ khả năng chi trả
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với số dư tiền gửi - LTD
- Tỷ lệ vốn ngắn hạn/Dư nợ vay trung dài hạn (TDH): phản ánh sự mất cân đối về kỳ hạn.

1.7.3. Phân tích hiệu quả.

a. Phân tích tình hình thu nhập, chi phí

Phân tích thu thập, chi phí, khả năng sinh lời của NHTM bao gồm các nội dung sau:

- Phân tích quy mô, tăng trưởng lợi nhuận, thu nhập, chi phí trong kỳ, tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, dịch vụ, kinh doanh và đầu tư chứng khoán, kinh doanh ngoại hối trong tổng lợi nhuận, tỷ trọng chi phí hoạt động trong tổng lợi nhuận.

Trong đó, 2 chỉ tiêu đáng quan tâm là:

- Thu nhập ròng từ lãi/Tổng thu nhập:.
- Chi phí ngoài trả lãi/Tổng thu nhập:

b. Phân tích khả năng sinh lời

+ Khả năng sinh lời của tài sản - ROA
+ Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu - ROE
+ Tỷ lệ thu nhập lãi ròng cận biên - NIM
+ Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi ròng cận biên -NNIM
+ Tỷ lệ thu nhập từ lãi/Thu nhập ngoài lãi

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

2.1. SƠ LƯỢC VỀ VIETCOMBANK

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của VCB

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của VCB

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC PTTC TẠI VCB

2.2.1. Phân công phân nhiệm

a. Tại hội sở chính

Phòng tổng hợp và chế độ kế toán được giao nhiệm vụ của công tác phân tích tài chính.

b. Tại các chi nhánh

Hiện nay, tại các chi nhánh, VCB chưa có quy định về phân tích tài chính, phân công phân nhiệm thống nhất chung mà chủ yếu mới tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm. Công việc này do Giám đốc phân công cho 1 phòng kế toán hoặc do Phòng vốn thực hiện trên cơ sở tổng hợp các báo cáo từ các phòng chức năng khác trong chi nhánh.

2.2.2. Tổ chức thu thập thông tin đầu vào

a. Hệ thống báo cáo tài chính

b. Nguồn tập hợp, trích xuất dữ liệu kế toán

c. Thông tin kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

2.2.3. Quy trình thực hiện PTTC

Hiện nay, công tác tổ chức PTTC của VCB được thực hiện theo đúng 3 giai đoạn sau:

a. Lập kế hoạch:

b. Tiến hành:

c. Kết thúc phân tích

2.2.4. Phương pháp phân tích.

Phương pháp phân tích chủ yếu được VCB sử dụng trong công tác phân tích của ngân hàng mình là phương pháp so sánh, phương pháp phân tổ, phương pháp tỷ lệ, trong đó phương pháp so sánh là phương pháp được sử dụng xuyên suốt trong tất cả các nội dung phân tích.

2.2.5. Nội dung phân tích

Luận văn sẽ xem xét, đánh giá thực trạng nội dung phân tích tài chính VCB thông qua Báo cáo phân tích tài chính giai đoạn 2006 - 2010. Báo cáo được thực hiện vào năm 2011, với mục đích dự thảo chiến lược của VCB năm 2011-2020, được trình cho Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.

a. Phân tích cấu trúc tài chính

* Phân tích sử dụng vốn – tài sản

- *Các chỉ tiêu được VCB phân tích chủ yếu gồm:*

+ Tổng tài sản

+ Tổng dư nợ cho vay

+ Cơ cấu tài sản sinh lời, trong đó chú trọng đánh giá tỷ trọng cho vay/tổng tài sản.

Ví dụ:

Bảng 2.1: Tốc độ tăng trưởng tài sản, dư nợ

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tăng trưởng tổng tài sản	22,48%	18,09%	12,53%	15,04%	20,35%
Tăng trưởng dư nợ cho vay	10,97%	44,12%	15,53%	25,56%	24,85%

- Phân tích hoạt động tín dụng:

VCB chưa phân tích đến cơ cấu tín dụng theo cách phân tổ, chưa đánh giá đến rủi ro và chất lượng của hoạt động tín dụng Tuy có xem xét đến tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng/nợ xấu nhưng lại sắp xếp vào nhóm chỉ tiêu an toàn hoạt động, đồng thời số liệu và phân tích về nợ xấu còn hạn chế do quá ít thông tin được đề cập.

Ví dụ:

Bảng 2.2: Một số chỉ tiêu an toàn hoạt động

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tỷ lệ nợ xấu	2,70%	3,87%	4,60%	2,47%	2,83%
Tỷ lệ quỹ dự phòng/tổng nợ xấu	80,17%	58,11%	81,97%	132,18%	113,86%

* Phân tích nguồn vốn

- Huy động vốn

Các chỉ tiêu tài chính được sử dụng gồm:

- Số dư huy động vốn
- Tỷ trọng huy động vốn trên thị trường 1 và thị trường 2

Ví dụ:

Bảng 2.3: Cơ cấu cho vay, huy động vốn TT 1 so với TTS

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Cho vay/Tổng TS	40,53%	49,47%	50,79%	55,43%	57,50%
HĐV TT 1/TTS	72,22%	73,37%	72,04%	66,32%	67,75%
Tăng trưởng HĐV	11,43%	19,98%	10,48%	5,92%	22,93%

- Vốn chủ sở hữu

Các chỉ tiêu tài chính được sử dụng gồm:

- Vốn chủ sở hữu
- Hệ số CAR (được VCB xếp vào nhóm chỉ tiêu an toàn)

Ví dụ:

Bảng 2.4: Hệ số an toàn vốn

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Hệ số CAR	9,30%	9,20%	8,90%	8,11%	9,00%

b. Phân tích khả năng thanh khoản

VCB mới phân tích chỉ tiêu LTD

Ví dụ:

Bảng 2.5: Chỉ tiêu LTD

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tỷ lệ dư nợ cho vay/HĐV	56,13%	67,42%	70,50%	83,57%	84,88%

c. Phân tích hiệu quả

** Phân tích thu nhập, chi phí*

Các chỉ tiêu được VCB sử dụng:

- Thu nhập từ lãi, tỷ trọng thu nhập ròng từ lãi/Tổng thu nhập
- Thu nhập ngoài lãi, tỷ trọng TN ròng ngoài lãi/Tổng thu nhập
- Thu nhập hoạt động ngân hàng/tổng thu nhập của tập đoàn

Ví dụ:

Bảng 2.6: Cơ cấu thu nhập

Cơ cấu thu nhập VCB (%)	2006	2007	2008	2009	2010
Thu ròng từ lãi	72,18%	65,53%	74,07%	69,98%	71,05%
Thu ròng về phí	10,36%	11,88%	8,85%	10,65%	12,29%
Thu ròng về KD ngoại tệ	5,16%	5,79%	10,67%	9,88%	4,88%
Thu ròng về đầu tư	1,91%	2,95%	-3,13%	3,84%	2,48%
Thu ròng khác	3,03%	4,16%	6,15%	4,26%	4,27%

* Phân tích khả năng sinh lời

VCB đã xem xét khá kỹ các chỉ tiêu chính như ROE, ROA NIM, NNIM, việc phân tích là tương đối cụ thể, phản ánh thông tin phân tích ở nhiều khía cạnh, có sự kết hợp với các chỉ tiêu thu nhập – chi phí.

Ví dụ:

Bảng 2.7: **Một số chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
NIM	2,59%	2,27%	3,27%	2,82%	3,02%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	27,82%	34,47%	25,93%	30,02%	28,95%
Tỷ lệ CP quản lý/tổng thu	24,41%	26,62%	29,00%	37,62%	39,44%
ROA	1,88%	1,31%	1,29%	1,65%	1,50%
ROE	29,11%	19,23%	19,74%	25,77%	22,53%

2.2.6. Sử dụng kết quả phân tích trong quản trị, điều hành

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG PTTC TẠI VCB

2.3.1. Một số kết quả đạt được của công tác phân tích tài chính.

- Thứ nhất, Công tác PTTC đã hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị, điều hành ngân hàng.

- Thứ hai, nội dung phân tích được thể hiện đa dạng

- Thứ ba, nội dung báo cáo phân tích đã được bộ phận phân tích làm cho sinh động và trực quan.

- Thứ tư, hệ thống các chỉ tiêu được sử dụng tương đối đầy đủ và khoa học.

- Thứ năm, Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đảm bảo số liệu kế toán được phản ánh đầy đủ và chính xác.

2.3.2. Một số hạn chế của công tác phân tích tài chính.

- Thực tế tại VCB hiện tại công tác phân tích chưa có một hệ thống về quy trình công việc, quy trình lưu trữ - hệ thống lưu trữ, chưa có những văn bản chi tiết hướng dẫn các chi nhánh, hội sở cách thực hiện phân tích tài chính.

- Quy trình phân tích chưa có sự phân định cụ thể việc thu thập thông in và trao đổi thông tin giữa các Phòng/Bộ phân liên quan; và trình tự từ bước phân tích, xử lý, kiểm soát, phê duyệt báo cáo phân tích.

- VCB mới chỉ sử dụng 4 phương pháp là phương pháp so sánh, phương pháp phân tổ, phương pháp tỷ lệ và phương pháp cân.

- Một vài hoạt động kinh doanh chưa đủ sơ sở, tiêu chuẩn chính xác để nhận định, kết luận đúng đắn khi phân tích nội dung của hoạt động đó

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trên.

a. Nguyên nhân bên ngoài

- Thứ nhất, các NHTM chưa có sự nhất quán, thống nhất trong tiêu chuẩn phân loại nợ, làm cho việc so sánh tỷ lệ nợ xấu giữa các NHTM trong nước chưa chính xác,

- Thứ hai, Quy định cách tính Tài sản có đã điều chỉnh theo rủi ro của NHNN có sự khác biệt với tiêu chuẩn của Basel II, nên việc đánh giá sự tiệm cận của NH trong nước với NH trong khu vực và trên thế giới chưa chuẩn.

- Thứ ba, Tính minh bạch trong công bố thông tin của các NHTM và NHNN chưa cao

- Thứ tư, Việc thanh tra, giám sát của NHNN còn yếu.

- Thứ năm, NHNN chưa có sự quan tâm đúng mức đến vấn đề này.

b. Nguyên nhân bên trong

- Thứ nhất, ngân hàng chưa xây dựng, cập nhật thường xuyên, đầy đủ dữ liệu tài chính của các NHTM khác (để làm căn cứ đối chiếu, so sánh sự tương quan hiệu quả kinh doanh của VCB.

- Thứ hai, nhiều "trường" cơ sở dữ liệu khách hàng (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, thu nhập…) còn sơ sài, thiếu tính thống nhất, chưa được cập nhật kịp thời

- Thứ ba, bộ mã sản phẩm cho vay chưa hoàn thiện nên công tác thống kê còn chậm, phụ thuộc vào báo cáo số liệu của các chi nhánh. Vì thế gây khó khăn trong công tác phân tích tài chính chi tiết khách hàng vay.

- Thứ tư, công tác kế toán quản trị của VCB còn hạn chế mà một trong các lý do là chưa có hệ thống quản trị nội bộ theo đúng nghĩa của nó và hiện đang sử dụng các công cụ tự phát triển để phục vụ công tác quản trị nội bộ.

- Thứ năm, hạn chế của công nghệ phần mềm. Hệ thống phần mềm Siverlake - Core Banking đã không còn phù hợp với yêu cầu cung cấp và xử lý thông tin khách hàng trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VCB VÀ NHỮNG YÊU CẦU HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PTTC.

3.1.1. Định hướng phát triển của VCB giai đoạn 2011-2020.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện phân tích tài chính

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PTTC TẠI VCB.

3.2.1. Nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin phục vụ cho công tác phân tích tài chính.

- Thứ nhất, chuẩn hóa nguồn dữ liệu

- Thứ hai, thu thập tài liệu, phân loại và sử dụng tài liệu

- Thứ ba, nâng cao hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Thứ tư, VCB cần liên tục cập nhật và hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tài chính để bắt kịp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và thông lệ tốt nhất của quốc tế nhưng không trái với pháp luật Việt Nam.

3.2.2. Hoàn thiện nội dung phân tích

Kết hợp phương pháp phân tích thay thế liên hoàn và mô hình Dupont để phân tích sâu hơn chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh ROA, ROE. Chẳng hạn, với những dữ liệu đã cho trong ví dụ phân tích đã nêu ở chương 2, có thể tiếp tục phân tích như sau:

Bảng 3.1: Mối quan hệ của ROE với các nhân tố theo mô hình DUPONT

	2009	**2010**
ROE= ROA x (TỔNG TS/TỔNG VCSH)	**25,77%**	**22,53%**
Trong đó:		
- ROA	1,65%	1,50%
- Tổng TS/tổng VCSH	1.559,79%	1.496,95%
ROE= NPM x AU x EM	**25,77%**	**22,53%**
Trong đó:		
- Tổng thu từ hoạt động (triệu đồng)	18.583.569	24.563.941
- A= Tỷ lệ sinh lời hoạt động (NPM)	24,88%	19,63%
- B= Tỷ lệ hiệu quả sử dụng tài sản (AU)	6,64%	7,66%
- C= Tỷ trọng vốn chủ sở hữu (EM)	1.559,45%	1.496,95%

Bảng 3.2: Chi tiết mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ROE

Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố	**Năm 2010/Năm 2009**
$\triangle A = A_1B_oC_o - A_oB_oC_o$	-0,0543
$\triangle B = A_1B_1C_o - A_1B_oC_o$	0,0312
$\triangle C = A_1B_1C_1 - A_1B_1C_o$	-0,0094
$\triangle ROE = \triangle A + \triangle B + \triangle C$	**-0,0324**

Nhận xét: **về kết quả phân tích các số liệu.**

3.2.3. Hoàn thiện công tác tổ chức phân tích

a. Về quản lý bộ phận phân tích

b. Về phân công nhiệm vụ, quy trình thực hiện

3.2.4. Tổ chức tốt việc sử dụng kết quả phân tích

Kết quả phân tích sau khi được Tổng giám đốc phê duyệt, Giám đốc tài chính cần phải triển khai tổ chức thực hiện để việc sử dụng kết quả phân tích có hiệu quả, cụ thể:

- Báo cáo cho Ban kiểm soát trực thuộc HĐQT để giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu tài chính xấu, có biện pháp cải thiện nó trong thời gian tới.

- Báo cáo cho Uỷ ban quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để có giải pháp điều chỉnh cơ cấu tài sản, nguồn vốn kịp thời.

- Chỉ đạo Phòng công nợ tích cực trong việc đôn đốc các chi nhánh xử lý nợ

- Chỉ đạo các Phòng quản lý rủi ro nghiên cứu sửa đổi các quy định hiện hành và xây dựng, ban hành các quy định mới để quản lý rủi ro hiệu quả.

- Tham mưu cho Phòng tổng hợp và phân tích chiến lược trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp.

3.2.5. Xây dựng và tiêu chuẩn hóa nội dung phân tích áp dụng cho các chi nhánh.

Nội dung phân tích tài chính của các chi nhánh gồm các mặt sau:

a. Phân tích về hoạt động tín dụng

- Đánh giá quy mô, thị phần, tốc độ tăng trưởng, cơ cấu cho vay khách hàng trên thị trường 1 (nền kinh tế), bao gồm cá nhân và TCKT thông qua các chỉ tiêu

+ Tổng dư nợ tín dụng

+ Tốc độ tăng dư nợ tín dụng

+ Tỷ trọng từng khoản dư nợ theo cách phân loại cơ cấu danh mục cho vay:

+ Thị phần cho vay

- Đánh giá rủi ro tín dụng, đánh giá chất lượng cho vay thông qua các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ lệ nợ từ nhóm 2- nhóm 5.

+Biến động cơ cấu nhóm nợ

+ Tỷ lệ nợ xấu – NPL rate (nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5).

+ Tỷ lệ nợ có vấn đề (nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 và nợ đã xử lý rủi ro bằng dự phòng rủi ro).

+ Tỷ lệ trích lập dự phòng

+ Tỷ lệ xóa nợ ròng

b. Phân tích về hoạt động huy động vốn

+ Đánh giá quy mô, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động.

+ Đánh giá thị phần huy động vốn trên thị trường 1 theo kỳ hạn, cơ cấu loại tiền ...

c. Phân tích tình hình thu nhập, chi phí và lợi nhuận

+ Phân tích quy mô, tăng trưởng lợi nhuận, thu nhập, chi phí trong kỳ, tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, dịch vụ, mua bán ngoại tệ, mua bán vốn nội bộ (chi phí mua vốn xem như là chi phí huy động vốn, thu nhập từ bán vốn xem như lãi cho vay)

+ Phân tích lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất đầu vào – đầu ra.

+ Lợi nhuận = chênh lệch thu – chi

3.2.6. Nâng cao chất lượng nhân lực trực tiếp phục vụ công tác phân tích tài chính.

Phân tích tài chính bên cạnh việc xử lý số liệu một cách cơ học, dựa rất nhiều vào nhận định trên các số liệu có sẵn. Do đó, phân tích tài chính luôn mang tính chủ quan của con người. Nhân tố con người trong phân tích tài chính đóng vai trò then chốt. Nhân sự cho việc phân tích tài chính đóng vai trò quan trọng và quyết định tới tính chính xác của các kết quả phân tích cũng như các đề xuất khuyến nghị sau phân tích. Chính vì thế, nhân viên phân tích tài chính phải có tầm nhìn bao quát, nắm được tình hình kinh tế, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

Để nâng cao chất lượng cho đội ngũ nhân sự của bộ phận phân tích tài chính VCB nên thực hiện các biện pháp sau:

- **Thứ nhất,** việc tuyển chọn và sử dụng nhân sự cần có sự quan tâm. VCB nên xem xét tuyển một số nhân viên chuyên sâu về phân tích và chấp nhận trả chi phí cao từ khâu tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, huấn luyện.

- **Thứ hai**, tổ chức một số khóa đào tạo, hoặc cử nhân viên học tập, nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới, các chuẩn mực của thế giới.

- **Thứ ba**, bộ phận phân tích tài chính phải có hiểu biết toàn diện về ngân hàng. Nhân sự của bộ phận này nên được tham gia vào một số hoạt động cũng như một số dự án phát triển của phòng ban, đảm bảo luôn nắm vững được cụ thể tính hình của ngân hàng.

3.2.7. Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ.

VCB cần đầu tư xây dựng hệ thống quản trị nội bộ, bao gồm hệ thống quản lý tài sản nợ có (ALM) và hệ thống điều chuyển giá

vốn nội bộ (FTP) vì hệ thống này sẽ giúp VCB thực hiện các mục tiêu sau:

- Hình thành một hệ thống thông tin quản lý tập trung phục vụ công tác điều hành hoạt động kinh doanh của NH;

- Cung cấp bức tranh tổng thể, toàn diện, tin cậy về tình hình tài chính của NH nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý chức năng và phục vụ việc ra quyết định của ban điều hành;

- Cung cấp các tiện ích phục vụ cho công tác ghi chép kế toán tài chính nội bộ một cách chính xác, kịp thời, tăng cường khả năng kiểm soát luồng tiền để sử dụng tài chính có hiệu quả;

- Theo dõi doanh thu, chi phí của từng trung tâm lợi nhuận, chi phí, từng sản phẩm, khách hàng, phân đoạn thị trường để có chính sách điều hành phù hợp;

- Cung cấp hệ thống báo cáo kế toán quản trị tức thời và tin cậy đa chiều để phục vụ cho việc ra quyết định của cấp lãnh đạo NH;

- Xác định giá điều chuyển vốn nội bộ dựa trên các phương pháp khoa học, minh bạch để làm cơ sở phân bổ chi phí đến từng chi nhánh, sản phẩm, khách hàng ... để có được bức tranh hoàn chỉnh về chi nhánh, sản phẩm, khách hàng;

- Duy trì năng lực tài chính vững mạnh thông qua các công cụ giám sát, đánh giá, cảnh báo rủi ro thị trường chi phối tới tình hình tài chính, khả năng thanh toán của NH;

- Đảm bảo thông tin thông suốt từ hệ thống Core banking đến hệ thống quản trị nội bộ, thông tin được khai thác và cập nhật vào một kho dữ liệu thống nhất toàn hệ thống và có tính bảo mật cao.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PTTC TẠI VCB TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY.

- Thứ nhất, NHNN Việt nam nên sớm xây dựng một hệ thống chỉ tiêu chuẩn phân tích tình hình tài chính của các NHTM mang tính hướng dẫn, có quy định thống nhất về phương pháp tính toán sao cho vừa khoa học vừa phù hợp với những điều kiện hiện thời. Trên cơ sở đó vào cuối năm NHNN nên có các thông báo cho các NHTM các thông số tài chính mang tính bình quân theo các chỉ tiêu đã được tiêu chuẩn hóa trên cơ sở các báo cáo chính thức của ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phân tích BCTC của các NHTM.

- **Thứ hai,** NHNN kết hợp với Bộ tài chính cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi chế độ kế toán hiện hành theo hướng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, phù hợp với đặc điểm, trình độ quản lý kinh tế tài chính hiện tại của các NHTM nói chung, ngân hàng VCB nói riêng và đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Luận văn đã thể hiện được các kết quả nghiên cứu chính sau đây:

- Hệ thống hóa khá đầy đủ, rõ ràng, cặn kẽ lý luận về công tác phân tích tài chính NHTM theo quan điểm của người nghiên cứu để làm nền tảng cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá giá thực trạng PTTC của VCB như: quy trình, phương pháp phân tích, nội dung phân tích, chỉ tiêu phân tích.

- Làm rõ đặc điểm của báo cáo tài chính NHTM, đặc điểm trong phân tích báo cáo tài chính NHTM, chỉ ra sự khác biệt so với các doanh nghiệp phi tài chính.

- xem xét thực trạng công tác phân tích tài chính tại ngân hàng VCB. Nêu rõ những ưu, nhược điểm của công tác đó cùng các nguyên nhân tạo ra chúng

- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị liên quan đến việc hoàn thiện công tác PTCT tại Ngân hàng VCB, trong đó có thể áp dụng cho các NHTM khác tại Việt Nam.

Với tinh thần ham thích nghiên cứu và học hỏi, bản thân tôi đã mạnh dạn đi sâu vào đề tài này với mong muốn góp phần công sức nhỏ bé của mình vào việc làm rõ thêm, tạo thuận lợi thêm cho việc ứng dụng phân tích tài chính ở các NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, do sự hạn chế về trình độ cũng như một số điều kiện khác nên luận văn này không thể tránh khỏi nhiều vấn đề thiếu sót cũng như cần phải được tiếp tục nghiên cứu thêm. Tôi rất mong và cảm ơn về những ý kiến góp ý của các thầy cô giáo, các nhà chuyên môn và đồng nghiệp để cho công trình nghiên cứu này được tiếp tục được hoàn thiện.